

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẤP VÒ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/11/2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Phan Văn Nội

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Ông Huỳnh Phước Tân.

*- Thư ký phiên toà:* Ông Bùi Lê Phú Quý là thư ký Toà án nhân dân huyện Lấp Vò.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2022/TLST-HNGĐ, ngày 07/11/2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/11/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1975; Địa chỉ: xã T, huyện L, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Châu Long H, sinh năm 1974; Địa chỉ: xã T, huyện L, tỉnh Đ.

(Các đương sự có mặt tại phiên toà)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Trần Thị D trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh H sống chung từ năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H thường hay uống rượu, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng không còn quan tâm nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, ly thân từ năm 2020. Nay chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu xin ly hôn với anh Châu Long H.

- Về con chung: Quá trình sống chung có 01 con chung tên Châu Long H1, sinh năm 1995 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Châu Long H trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H thừa nhận anh H và chị D sống chung với như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình sống chung vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên từ năm 2020 vợ chồng đã sống xa nhau cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người đó sống. Nay anh Châu Long H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Trần Thị D.

- Về con chung: Quá trình sống chung có 01 con chung tên Châu Long H1, sinh năm 1995 đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên thống nhất không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Châu Long H, về con chung, tài sản và nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn” và bị đơn cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Châu Long H đều thừa nhận anh chị sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình sống chung anh chị đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã xa nhau từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị D và anh H đều thống nhất ly hôn. Xét thấy, việc chị D và anh H sống chung với nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia

định quy định “Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”. Do đó, xử không công nhận chị Trần Thị D và anh Châu Long H là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung chị D và anh H có 01 con chung tên Châu Long H1, sinh năm 1995 đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên chị D và anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản: Chị D và anh H thống nhất để anh chị tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị D và anh H thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Châu Long H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị D và anh Châu Long H là vợ chồng.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013903 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

6. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án hôm nay các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện KSND huyện Lấp Vò;
- CCTHADS huyện Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Văn Nội**